

Số: /2023/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế - Bộ Y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 1. Ban hành danh mục

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng danh mục

1. Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đã xác định mã hàng ban hành kèm theo Thông tư này là cơ sở để tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo hải quan khi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế vào Việt Nam.

2. Hàng hóa được quy định trong danh mục nhưng chưa liệt kê mã số hàng hóa, khi xuất khẩu, nhập khẩu doanh nghiệp phải cung cấp cho cơ quan hải quan đầy đủ các thông tin của hàng hóa nhập khẩu về thành phần, tác dụng, tài liệu kỹ thuật (nếu có) và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung đã khai báo và sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích.

3. Trường hợp hàng hóa chưa có mã số trong danh mục, phát sinh vướng mắc hoặc có sự khác biệt trong việc xác định mã số hàng hóa tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế (Cục Quản lý Môi trường y tế) để xem xét và quyết định mã số hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27/4/2018 Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Cục Quản lý Môi trường y tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Cục Quản lý Môi trường y tế (Bộ Y tế) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo- Văn xã, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, MT (03b), PC (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Liên Hương

DANH MỤC
HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG
GIA DỤNG VÀ Y TẾ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ
ĐƯỢC XÁC ĐỊNH MÃ SỐ HÀNG HÓA THEO DANH MỤC HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BYT ngày tháng năm 2023)

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
1	Nhang (huong) xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế.	Nhang (huong) vòng chống muỗi, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.10	Chỉ gồm hương (nhang) chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Nhang (huong) chống muỗi không phải dạng hương vòng, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.90	
		Nhang (huong) vòng chống muỗi, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.20	
		Nhang (huong) chống muỗi không phải dạng hương vòng, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.90	
		Nhang (huong) vòng chống muỗi trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.40	
		Nhang (huong) chống muỗi không phải dạng hương vòng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.99	
2	Tắm tắm hóa chất xua, diệt muỗi (dùng điện hoặc	Tắm tắm hóa chất (dùng điện hoặc không dùng điện) đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.20	Chỉ gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO),

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
	không dùng điện) dùng trong gia dụng và y tế	Tấm tẩy hóa chất (dùng điện hoặc không dùng điện) đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.30	bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Tấm tẩy hóa chất (dùng điện hoặc không dùng điện) trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.50	
3	Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói dùng trong gia dụng và y tế.	Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.40	Chỉ gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO),
		Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.50	bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói trên 7,5kg	3808.69.90	
		Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.99	
4	Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế.	Bình xịt xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.30	Chỉ bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO),
		Bình xịt xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.40	bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO),

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
		Bình xịt xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg	3808.69.90	deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Bình xịt xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.30	
5	Chế phẩm xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế dạng bột, gel, kem, son (son có chứa hoạt chất xua, diệt côn trùng), bã (bait)	Chế phẩm xua, diệt côn trùng dạng lỏng, dạng gel đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.40	Chỉ bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g, không ở dạng lỏng và dạng gel	3808.61.90	
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng dạng lỏng, dạng gel đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.50	
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg, không ở dạng lỏng và dạng gel	3808.62.90	
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg	3808.69.90	
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.99	
6	Chế phẩm dạng kem xoa, gel, bình	Chế phẩm dạng bình xịt xua côn trùng dùng trên người	3808.91.30	Tắm tắm hóa chất để xua côn trùng khác ngoài muỗi được xếp vào nhóm này

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
	xịt, tấm dán, vòng xoa côn trùng dùng cho người	Tấm dán tâm hóa chất xoa côn trùng dùng trên người	3808.91.50	
		Chế phẩm dạng kem xoa, gel, vòng đeo tay tâm hóa chất dùng trên người	3808.91.99	
7	Chế phẩm màn, rèm, võng, vải, giấy được tâm hóa chất xoa, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế	Chế phẩm xoa, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.90	Chỉ bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Chế phẩm xoa, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.90	
		Chế phẩm xoa, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg.	3808.69.90	
		Chế phẩm xoa, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.99	
8	Chế phẩm phun diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay	Chế phẩm dạng lỏng (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ tương (EC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.40	Chỉ bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
		<p>Chế phẩm không ở dạng lỏng dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g</p>	3808.61.90	
		<p>Chế phẩm dạng lỏng (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ tương (EC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg</p>	3808.62.50	
		<p>Chế phẩm không ở dạng lỏng (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ tương (EC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng</p>	3808.62.90	

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
		không quá 7,5kg		
		Chế phẩm dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay và được đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg	3808.69.90	
		Chế phẩm dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61 hoặc 3808.62 hoặc 3808.69	3808.91.99	Chế phẩm huyền phù (SC), nhũ tương (EC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác được xếp vào nhóm này
9	Chế phẩm diệt bọ gậy dùng trong gia dụng và y tế	Chế phẩm dùng trong nước để diệt bọ gậy muỗi, bao gồm cả chế phẩm chứa vi sinh vật <i>Bacillus thuringiensis israelensis</i> (Bti)	3808.91.99	
10	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước dùng trong gia dụng	Chế phẩm để diệt khuẩn tay dùng trong gia dụng đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm sản phẩm có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn
		Chế phẩm để diệt khuẩn tay dùng trong gia dụng không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
11	Chế phẩm tắm diệt khuẩn cho bệnh nhân,	Chế phẩm để diệt khuẩn da toàn thân dùng cho bệnh nhân, nhân viên trong y tế đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm sản phẩm có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn

TT	Nhóm sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã hàng hóa	Ghi chú
	nhân viên trong y tế	Chế phẩm để diệt khuẩn da toàn thân dùng cho bệnh nhân, nhân viên trong y tế không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
12	Chế phẩm diệt khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ dùng trong gia dụng	Chế phẩm để diệt khuẩn bề mặt, dụng cụ dùng trong gia dụng đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm sản phẩm có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn; sản phẩm diệt khuẩn bề mặt tiếp xúc với thực phẩm; sản phẩm diệt khuẩn thực phẩm
		Chế phẩm để diệt khuẩn bề mặt, dụng cụ dùng trong gia dụng không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
13	Chế phẩm diệt khuẩn nước trong gia đình	Chế phẩm diệt khuẩn nước sinh hoạt, nước bể bơi trong gia đình	3808.94.90	Không bao gồm chế phẩm để diệt khuẩn nước hồ bơi công cộng
14	Chế phẩm diệt khuẩn da dùng trong y tế	Chế phẩm diệt khuẩn tay cho nhân viên y tế, diệt khuẩn da bệnh nhân đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm chế phẩm diệt khuẩn vết thương, niêm mạc dùng cho người; chế phẩm diệt khuẩn da cho bệnh nhân trước, sau khi tiêm; diệt khuẩn vùng da phẫu thuật
		Chế phẩm diệt khuẩn tay cho nhân viên y tế, diệt khuẩn da bệnh nhân không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
15	Chế phẩm diệt khuẩn bề mặt dùng trong y tế	Chế phẩm dùng để diệt khuẩn các bề mặt trong cơ sở y tế đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Chế phẩm diệt khuẩn bề mặt dùng trong cả gia dụng và y tế cũng xếp vào nhóm này
		Chế phẩm dùng để diệt khuẩn các bề mặt trong cơ sở y tế không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
16	Chế phẩm diệt khuẩn trên máy bay	Chế phẩm dùng để diệt khuẩn trên máy bay đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	
		Chế phẩm dùng để diệt khuẩn trên máy bay không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	